

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG**

**PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
**TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS HOÀNG TÙNG**

Phản biện 1: **TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI**

Phản biện 2: **PGS. TS. VÕ VĂN NHỊ**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiệu quả hoạt động là mối quan tâm hàng đầu không chỉ đối với nhà quản trị bên trong doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng liên quan khác bên ngoài doanh nghiệp như các cổ đông, các tổ chức tín dụng, khách hàng, nhà cung cấp... Phân tích hiệu quả hoạt động là công cụ đắc lực giúp nhà quản trị bên trong cũng như các đối tượng bên ngoài có được các quyết định, giải pháp phù hợp nhất trong hoạt động của mình.

Là nhà cung cấp hàng đầu về mặt hàng thép xây dựng, phôi thép và thép phế liệu Việt Nam. Qua tìm hiểu tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung trong giai đoạn 2008 – 2012 tôi thấy công ty còn xem nhẹ công tác phân tích hiệu quả hoạt động cho yêu cầu quản lý. Việc tổ chức phân tích chưa được thường xuyên, chưa thấy hết vai trò quan trọng của những thông tin thu được trong quá trình phân tích. Trong khi đó yêu cầu cạnh tranh và những áp lực từ lợi ích các bên có liên quan đòi hỏi phải quan tâm hơn nữa đến công tác phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Xuất phát từ thực tế trên, tôi đã chọn đề tài “*Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung*” làm luận văn thạc sỹ của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

#### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty trong thời gian vừa qua, từ đó sẽ tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động trong thời gian sắp tới.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Để thực hiện mục tiêu tổng quát trên, luận văn hướng đến các luận văn cụ thể sau:

- Nghiên cứu các nội dung phân tích hiệu quả đang áp dụng tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung, tìm hiểu nhu cầu phân tích ở các cấp quản lý hiện nay.

- Hoàn thiện tổ chức số liệu kế toán phục vụ công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty.

- Vận dụng các chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động phù hợp với yêu cầu quản lý hiện tại của công ty, qua đó tiến hành phân tích trên số liệu hiện tại.

### ***2.3. Câu hỏi nghiên cứu***

- Thực trạng và nhu cầu phân tích tại công ty như thế nào?

- Khả năng tổ chức số liệu kế toán cho công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty ra sao?

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: hiệu quả hoạt động của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung. Hiệu quả hoạt động được xem xét cả hiệu quả kinh doanh và hiệu quả tài chính.

Phạm vi nghiên cứu: Được giới hạn trong khoảng thời gian từ 2008 – 2012.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích dữ liệu: phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết, phương pháp điều tra, phương pháp phân tích tổng hợp...

- Đối thoại phỏng vấn trực tiếp các bộ phận ở khối văn phòng (ban giám đốc, phòng kế toán, phòng kinh doanh và các bộ phận liên quan nhằm tìm hiểu về công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung. Cách thức phỏng vấn thông qua bảng câu hỏi điều tra được xây dựng nhằm đánh giá công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty dành cho cấp quản trị.

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- Đề tài đã hệ thống hoá được các lý thuyết liên quan đến hiệu quả hoạt động của công ty.

- Đề tài đã khảo sát, phân tích, đánh giá được hiệu quả hoạt động của công ty trong giai đoạn 2008-2012.

- Đề tài giúp doanh nghiệp nhìn nhận đúng đắn sức mạnh và hạn chế, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả đồng thời ra một số biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của công ty trong thời gian đến.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, bảng biểu, luận văn được trình bày thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

Chương 3: Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

## **7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là một vấn đề phức tạp, có liên quan đến nhiều yếu tố, nhiều mặt của quá trình hoạt động sản xuất như: lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động, nên doanh nghiệp chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi sử dụng hiệu quả các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh. Phân tích hiệu quả hoạt động giúp doanh nghiệp tự đánh giá, xem xét việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như thế nào, những mục tiêu kinh tế được thực hiện đến đâu, từ đó tìm ra những biện pháp để tận dụng một cách triệt để thế mạnh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, quan tâm đến vấn đề này đã có một số đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn đại học, luận văn thạc sỹ cũng đã nghiên cứu và được thể hiện thông qua một số đề tài sau:

Tác giả Lương Thúy Nga (2006), với đề tài: *“Phân tích hiệu quả hoạt động và phương hướng nâng cao hiệu quả hoạt động tại Tổng công ty cổ phần Sách”*: với phương pháp so sánh, phân tích nhân tố và cân đối tác giả phân tích hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp phát hành Sách dựa trên hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động. Đồng thời, dựa trên thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Tổng Công ty Phát Hành Sách tác giả đã đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả và phương hướng nâng cao hiệu quả hoạt động tại Tổng công ty Sách Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Thị Huyền (2011), với đề tài: *“Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần nhựa Đà Nẵng: thông qua phân tích hiệu quả kinh doanh bằng các chỉ tiêu hiệu quả cá biệt và tổng hợp; phân tích hiệu quả tài chính; phân tích chỉ tiêu chứng khoán tác giả kết luận hiệu quả hoạt động của công ty chưa cao do các yếu tố tài sản cố định, vốn lưu động và cơ cấu vốn. Từ đó tác giả đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn, xây dựng cơ cấu vốn hợp lý và hoàn thiện hệ thống thu thập, xử lý, trao đổi thông tin.*

Các luận văn trên đều đưa cho người đọc có cái nhìn tổng quan về doanh nghiệp. Một điểm tương đồng của các tác giả trong quá trình nghiên cứu là đều dựa vào hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả chung cho tất cả các doanh nghiệp, các chỉ tiêu phân tích còn rời rạc và chưa đưa ra hệ thống chỉ tiêu chi tiết khi phân tích hiệu quả hoạt động của từng ngành nghề, từng lĩnh vực. Nhiều công trình

nghiên cứu về nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp chưa toàn diện, cần hệ thống và chuyên sâu hơn mới đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và hầu như có rất ít công trình khoa học. Các phân tích về hiệu quả và các giải pháp để nâng cao hiệu quả của các tác giả tại đơn vị đã phần nào giúp tôi có thêm định hướng cho luận văn của mình.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH**

### **HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN**

#### **1.1 CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN**

##### **1.1.1. Các khái niệm và phân loại cơ bản**

###### ***a. Khái niệm công ty cổ phần.***

Công ty cổ phần là một doanh nghiệp, trong đó các thành viên cùng góp vốn, cùng hưởng lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi phần góp vốn của mình.

###### ***b. Khái niệm về hiệu quả.***

Hiệu quả được hiểu là các lợi ích kinh tế, xã hội đạt được từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Nói cách khác, bản chất của hiệu quả chính là kết quả của lao động xã hội, được xác định bằng cách so sánh lượng kết quả hữu ích cuối cùng thu được với lượng hao phí xã hội. Do vậy, thước đo hiệu quả là sự tiết kiệm hao phí lao động xã hội và là tiêu chuẩn của hiệu quả tối đa hóa kết quả dựa trên các nguồn lực sẵn có.

**c. Phân loại hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.**

- *Phân loại theo mức độ tổng hợp hay cá biệt:*
- *Phân loại theo mối quan hệ với các chính sách tài trợ:*
- *Phân loại theo mối quan hệ với công đồng kinh tế và xã hội:*

**1.1.2. Chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động công ty cổ phần.**

Hiệu quả của doanh nghiệp được xem xét một cách tổng thể bao gồm nhiều hoạt động. Hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính ở doanh nghiệp có mối quan hệ qua lại nên phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp phải xem xét đầy đủ cả hai hoạt động này. Một doanh nghiệp có thể có hiệu quả kinh doanh cao nhưng đạt hiệu quả tài chính thấp vì các chính sách tài trợ không thích hợp.

Hoạt động trong cơ chế thị trường, mỗi doanh nghiệp có những hướng chiến lược phát triển riêng trong từng giai đoạn. Lợi nhuận là mục tiêu cuối cùng nhưng mục tiêu đó luôn gắn liền với mục tiêu thị phần. Do vậy, cần phải xem xét doanh thu và lợi nhuận là hai yếu tố quan trọng trong đánh giá hiệu quả.

Với những quan điểm trên, chỉ tiêu phân tích chung hiệu quả cơ bản được tính như sau:

$$K = \frac{\text{Đầu ra}}{\text{Đầu vào}}$$

Trong đó: “Đầu ra” bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến giá trị sản xuất, doanh thu, lợi nhuận...

“Đầu vào” thường bao gồm các yếu tố như vốn chủ sở hữu, tài sản, các loại tài sản...

**1.1.3. Sự cần thiết của việc phân tích hiệu quả hoạt động công ty cổ phần**

Phân tích hiệu quả hoạt động là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Để quản lý tốt hoạt động kinh



doanh, các nhà quản trị cần phải thường xuyên phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình để phát hiện kịp thời những mặt mạnh, mặt yếu trong hoạt động của đơn vị từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh thích hợp nhằm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

**1.1.4. Đặc điểm của công ty cổ phần ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động**

## **1.2 NGUỒN THÔNG TIN VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN**

**1.2.1 Nguồn thông tin sử dụng phân tích hiệu quả hoạt động công ty cổ phần**

*a. Nguồn thông tin từ bên trong công ty*

*b. Nguồn thông tin từ bên ngoài công ty.*

**1.2.2. Phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động công ty cổ phần.**

*a. Phương pháp so sánh*

Phương pháp so sánh là phương pháp đơn giản được sử dụng khá phổ biến trong phân tích hoạt động kinh doanh, được dùng để đánh giá kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của chỉ tiêu phân tích.

*b. Phương pháp liên hệ*

- Liên hệ cân đối
- Liên hệ tuyến tính
- Liên hệ phi tuyến

*c. Phương pháp loại trừ*

- *Phương pháp thay thế liên hoàn*
- *Phương pháp số chênh lệch*

#### ***d. Phương pháp phân tích tương quan***

Phân tích tương quan sẽ đánh giá tích hợp lý về biến động giữa các chỉ tiêu tài chính, xây dựng các tỷ số tài chính được phù hợp hơn và phục vụ công tác dự báo tài chính của doanh nghiệp.

#### ***e. Phương pháp phân tích Dupont***

Là phương pháp phân tích dựa trên mối quan hệ tương hỗ giữa các chỉ tiêu tài chính để biến đổi một chỉ tiêu tổng hợp thành một hàm số của một loạt các biến số.

### **1.3 TỔ CHỨC CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN**

Phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là một phần của công tác phân tích hoạt động kinh doanh nên việc tổ chức công tác này cũng nằm trong nội dung của công tác phân tích hoạt động doanh nghiệp. Thường được tiến hành qua ba giai đoạn sau:

- ❖ Giai đoạn 1: Lập kế hoạch phân tích
- ❖ Giai đoạn 2: Tiến hành phân tích
- ❖ Giai đoạn 3: Hoàn thành phân tích

Kết quả phân tích sẽ được công bố cho các đối tượng có nhu cầu tùy theo nội dung và phạm vi đối tượng phân tích.

### **1.4. NỘI DUNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN**

#### **1.4.1. Phân tích hiệu quả kinh doanh**

##### ***a. Chỉ tiêu phân tích hiệu quả cá biệt***

##### ***Hiệu suất sử dụng tài sản doanh nghiệp***

$$\text{Hiệu suất sử dụng của tài sản} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

##### ***Hiệu suất sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp***

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Nguyên giá TSCĐ bình quân}}$$

**Hiệu suất sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp**

$$\text{Số vòng quay bình quân của VLĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{VLĐ bình quân}} \quad (\text{vòng})$$

$$\text{Số ngày b/q của một vòng quay VLĐ} = \frac{\text{VLĐ bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 360 \quad (\text{ngày/vòng})$$

**b. Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp**

$$K = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguồn lực kinh doanh}}$$

**Tỷ suất lợi nhuận trên DT:**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận/DT} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{DT} + \text{DT tài chính} + \text{Thu nhập khác}} \times 100\%$$

**Tỷ suất lợi nhuận trên DT thuần hoạt động kinh doanh:**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên DT thuần} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD}}{\text{DT thuần}} \times 100\%$$

**Tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{DT thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần SXKD} + \text{KH TSCĐ}}{\text{DT thuần hoạt động SXKD}} \times 100\%$$

**Phân tích khả năng sinh lời của tài sản:**

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản BQ}} \times 100\%$$

Để làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu tỷ suất sinh lời của tài sản, chỉ tiêu ROA còn được chi tiết qua phương trình dupont:

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{DT}} \times \frac{\text{DT}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$ROA = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận}}{\text{DT thuần}} \times \frac{\text{Hiệu suất sử dụng tài sản}}{\text{tài sản}}$$

Để làm rõ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu ROA có thể áp dụng phương pháp số chênh lệch, cụ thể như chênh lệch về hiệu quả kinh doanh giữa kỳ phân tích với kỳ gốc là kết quả tổng hợp ảnh hưởng tỷ suất lợi nhuận trên DT và hiệu suất sử dụng tài sản, thể hiện qua công thức:

$$\Delta ROA = \Delta H_{LN/DT} + \Delta H_{DT/TS}$$

Trong đó:

$\Delta H_{LN/DT}$ : Là ảnh hưởng của sự thay đổi của tỷ suất lợi nhuận trên DT.

$\Delta H_{DT/TS}$ : Là ảnh hưởng của sự thay đổi của tỷ suất DT trên tài sản.

**Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE):**

$$\text{Tỷ suất sinh lời kinh tế} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{Chi phí lãi vay}}{\text{Tổng tài sản BQ}} \times 100\%$$

#### 1.4.2. Phân tích hiệu quả tài chính.

##### a. Chỉ tiêu tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{Tỷ suất sinh lời VCSH} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Nguồn VCSH BQ}} \times 100\%$$

##### b. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính

\* Hiệu quả kinh doanh:

Ảnh hưởng của hiệu quả kinh doanh đến tỷ suất sinh lời VCSH có thể nhận diện qua các chi tiết sau:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{DT}} \times \frac{\text{DT}}{\text{Tài sản}} \times \frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

\* Độ lớn đòn bẩy tài chính:

$$H_{TC} = H_{KD} \times (1 - T) \times (1 + \text{ĐBTC})$$

Ảnh hưởng của việc vay nợ và đòn bẩy tài chính ta viết lại công thức chỉ tiêu khả năng sinh lời của VCSH như sau:

$$ROE = [\text{RE} + (\text{RE}-r) \times \text{ĐBTC}](1-T)$$

Trong đó:

r : lãi suất vay

T: thuế suất thuế thu nhập DN

ĐBTC =  $N\sigma/VCSH$

### ***c. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn góp cổ đông***

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Phân tích hiệu quả hoạt động công ty cổ phần là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản trị công ty cổ phần. Việc phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty để xem xét tính hiệu quả của hoạt động là một trong những yếu tố quan trọng để các nhà quản lý đề ra các quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Nội dung chương 1 đã đưa ra các vấn đề lý luận cơ bản cho việc phân tích hiệu quả dựa trên đặc điểm của ngành sắt thép kết hợp với tình hình thực tế tại công ty. Đây là cơ sở để đề tài tiến hành thu thập dữ liệu nhằm phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

#### **2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

##### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

***a. Thông tin khái quát sơ lược***

***b. Quá trình hình thành và phát triển***

##### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh và định hướng phát triển**

***a. Ngành nghề kinh doanh***

***b. Định hướng phát triển***

### **2.1.3. Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty**

*a. Tổ chức mạng lưới kinh doanh*

*b. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty*

*c. Chức năng, nhiệm vụ*

### **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

*a. Tổ chức bộ máy kế toán*

*b. Chức năng, nhiệm vụ*

*c. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty*

## **2.2. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**2.2.1 Về mặt hàng và thị trường cung cấp nguyên liệu**

**2.2.2 Về thị trường và phương thức tiêu thụ sản phẩm**

**2.2.3. Đặc điểm cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung**

*a. Đặc điểm cơ cấu tài sản*

Là công ty chuyên kinh doanh thương mại nên với tỷ lệ cơ cấu tài sản phân tích sau đây là hợp lý. Tổng tài sản tăng đột biến so với năm 2008 và 2009 nhưng chủ yếu là tăng khoản tài sản ngắn hạn, có xu hướng giảm dần vào năm 2011 và 2012. Về quy mô tổng tài sản công ty năm 2012 đã giảm đáng kể so với thời điểm cuối năm 2011, chủ yếu do công ty không thực hiện dỡ trừ hàng tồn kho như các năm, mặt khác thị trường thép năm 2012 đặc biệt khó khăn, việc khai thác lợi nhuận cũng khó khăn. Nhìn chung khoản công nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn so tổng tài sản, công ty cần có chính sách quản lý công nợ cũng như chính sách tín dụng thương mại áp dụng cho khách hàng để ổn định cấu trúc tài sản .

*b. Đặc điểm cơ cấu nguồn vốn*

Nhìn chung qua ta thấy tình hình cơ cấu nguồn vốn của doanh

nghiệp là ổn định, vốn góp của các cổ đông cũng đã làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên bên cạnh đó nợ quá hạn phát sinh từ cuối năm 2011 chuyển sang đã làm gia tăng nợ xấu, cụ thể: tỷ lệ nợ khó đòi đầu năm chiếm 3.35% tổng nợ phải thu khách hàng, đến cuối năm tỷ lệ này là 8%, việc này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động của công ty năm 2013.

### ***c Đặc điểm cấu trúc tài chính***

Công ty đã thể hiện được năng lực vốn có của người chủ sở hữu vào năm 2008, khi tỷ suất tự tài trợ cao gần gấp đôi so với tỷ suất nợ. Nhưng lại mất dần tính tự chủ vào các năm tiếp theo, đặc biệt là năm 2009, tỷ suất nợ tăng đột biến chứng tỏ mức độ tài trợ của doanh nghiệp bởi các khoản nợ là rất cao, mức độ phụ thuộc của công ty vào các chủ nợ càng lớn vì công ty chưa xử lý và thu hồi được các khoản nợ khó đòi...nhưng tình hình ổn định hơn vào năm 2012 khi sự chênh lệch giữa tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ không quá lớn, thể hiện được công ty đang ngày càng khẳng định vị thế cũng như tính tự chủ về tài chính, ít bị sức ép từ các chủ nợ.

## **2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**2.3.1. Nhu cầu phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty cũng như các bên có liên quan**

- a. Đối với Nhà quản lý doanh nghiệp***
- b. Đối với các nhà đầu tư vào doanh nghiệp***
- c. Đối với các chủ nợ của doanh nghiệp***
- d. Đối với người lao động trong doanh nghiệp***

### 2.3.2 Tổ chức công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty

*a. Phân công nhiệm vụ*

*b. Tổ chức thu thập thông tin đầu vào*

*c. Quy trình thực hiện phân tích hiệu quả hoạt động*

*d. Phương pháp phân tích*

### 2.3.3. Khái quát về thực trạng phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

#### 2.3.4. Nội dung phân tích.

*a. Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh.*

• *Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt.*

**Bảng 2.7 Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản**

Đơn vị tính: 1000 VND

| <b>CHỈ TIÊU</b>                         | <b>Năm 2008</b> | <b>Năm 2009</b> | <b>Năm 2010</b> | <b>Năm 2011</b> | <b>Năm 2012</b> |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1. DTT + DTHĐ tài chính + thu nhập khác | 1,380,880,739   | 927,136,764     | 1,193,381,768   | 1,244,188,879   | 1,356,629,524   |
| 2. Tổng TS bình quân                    | 209,446,114     | 220,302,603     | 358,852,032     | 410,845,645     | 312,877,311     |
| 3. Nguyên giá TSCĐBQ                    | 33,730,233      | 40,660,085      | 45,004,760      | 47,291,111      | 49,250,162      |
| 4. VLĐ BQ                               | 161,762,627     | 203,104,622     | 287,474,416     | 245,749,716     | 187,601,711     |
| 5. Hiệu suất sử dụng TS (1/2)           | 6.59            | 4.21            | 3.33            | 3.03            | 4.34            |
| 6. Hiệu suất sử dụng SCD(1/3)           | 40.94           | 22.80           | 26.52           | 26.31           | 27.55           |
| 7. Số vòng quay VLĐ (1/4)               | 8.54            | 4.56            | 4.15            | 5.06            | 7.23            |
| 8. Số ngày 1 vòng quay VLĐ (360/7)      | 42              | 79              | 87              | 71              | 50              |



| CHỈ TIÊU                      | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|-------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 9. Hiệu suất sử dụng TS BQ    |          |          | 4.30     |          |          |
| 10. Hiệu suất sử dụng TSCĐ BQ |          |          | 28.82    |          |          |
| 11. Hiệu suất sử dụng VLĐ BQ  |          |          | 5.91     |          |          |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung)

*Nhận xét:* Với kết quả phân tích tại bảng [2.7] hiệu suất sử dụng tài sản của công ty giảm dần (từ năm 2008 đến năm 2011) nhưng sang năm 2012 thì tăng lên đáng kể. Bộ phận cấu thành nên kết quả này là do hiệu suất sử dụng Vốn lưu động giảm (từ năm 2008 đến năm 2011) cho thấy việc sử dụng Vốn tại công ty chưa hiệu quả.

• **Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp**

**Bảng 2.8 Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp**

Đơn vị tính: 1000 VND

| CHỈ TIÊU                                | Năm 2008      | Năm 2009    | Năm 2010      | Năm 2011      | Năm 2012      |
|---|---------------|-------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. Doanh thu thuần                      | 1,368,151,849 | 925,162,718 | 1,190,443,120 | 1,239,833,456 | 1,347,771,240 |
| 2. DTT + DTHĐ tài chính + thu nhập khác | 1,380,880,739 | 927,136,764 | 1,193,381,768 | 1,244,188,879 | 1,356,629,524 |
| 3. LN thuần từ HĐ SXKD                  | 17,097,393    | 9,572,362   | 19,810,190    | 18,280,089    | 2,082,251     |
| 4. Chi phí KH TSCĐ                      | 3,441,684     | 3,974,247   | 4,740,460     | 5,679,862     | 6,814,981     |
| 5. LN thuần SXKD trước KH               | 20,539,077    | 13,546,609  | 24,550,650    | 23,959,951    | 8,897,232     |
| 6. LN trước thuế                        | 24,805,842    | 10,110,246  | 20,358,578    | 18,189,033    | 4,270,935     |
| 7. Chi phí lãi vay                      | 14,942,254    | 4,099,261   | 13,576,304    | 9,053,410     | 9,120,919     |
| 8. LNTT và lãi vay                      | 39,748,096    | 14,209,507  | 33,934,883    | 27,242,443    | 13,391,854    |
| 9. Tổng TS quân                         | 209,446,114   | 220,302,603 | 358,852,032   | 410,845,645   | 312,877,311   |

|   |       |      |      |      |      |
|---|-------|------|------|------|------|
| 10.Tỷ suất LNTT/DT (%)                        | 1.80  | 1.09 | 1.71 | 1.46 | 0.31 |
| 11.Tỷ suất LNTT/DTT (%)                       | 1.81  | 1.09 | 1.71 | 1.47 | 0.32 |
| 12.Tỷ suất LNTT/DTT khi loại trừ KH (3/1)     | 1.25  | 1.03 | 1.66 | 1.47 | 0.15 |
| 13.Tỷ suất sinh lời TS (ROA)                  | 11.84 | 4.59 | 5.67 | 4.43 | 1.37 |
| 13.Tỷ suất sinh lời kinh tế TS (RE) (8/9) (%) | 18.98 | 6.45 | 9.46 | 6.63 | 4.28 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung)

*Nhận xét:* Từ Bảng [2.8] Công ty đánh giá hiệu quả kinh doanh từ năm 2008 đến năm 2012 trên các chỉ tiêu sau:

Tỷ suất sinh lợi nhuận trên doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần hoạt động kinh doanh qua các năm giảm mạnh từ năm 2010 đến năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần qua các năm cũng có sự biến động. Như vậy, đóng góp vào mức tăng – giảm lợi nhuận không phải từ nhân tố doanh thu và thu nhập khác mà từ nhân tố chi phí, do chi phí của cả giai đoạn tăng nên làm cho lợi nhuận giảm.

- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA): Ta thấy rằng qua các năm có sự biến động lớn, có xu hướng giảm mạnh từ năm 2008 là (11.84 %) nhưng sang năm 2009 là (4.59%), và tình trạng giảm mạnh cũng xảy ra vào năm 2011 (4.43%) sang 2012 (1.37%). Nếu như năm 2011, cứ 100 đồng tài sản đầu tư tại công ty tạo ra 4.43 đồng lợi nhuận trước thuế thì sang năm 2012 mức lợi nhuận chỉ còn 1.37 đồng. Tình trạng này xảy ra là do, ngoài sự khủng hoảng về kinh tế thì cũng một phần do thay đổi cấu trúc vốn của công ty, điều này dẫn đến thay đổi về chỉ tiêu lợi nhuận, để hiểu rõ hơn về tác động của chỉ tiêu lợi nhuận đến ROA ta đi phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu này qua 2 năm là năm 2008 (ROA cao nhất) và năm

2012 (ROA thấp nhất)

Đối tượng phân tích ROA:  $1.37 - 11.48 = - 10.11$

Ảnh hưởng của nhân tố hiệu suất sử dụng tài sản:

$(4.34 - 6.59) * 1.80\% = - 0.04\%$

Ảnh hưởng của nhân tố tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần:

$(1.81 - 0.32) * 4.34 = 6.47\%$

Tổng hợp:  $6.47 - 0.04 = 6.43\%$

Như vậy, qua phân tích ta thấy tỷ suất sinh lời tài sản năm 2012 giảm so với năm 2008 là do nhân tố về tỷ suất sinh lời trên doanh thu quyết định.

- Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE): nhìn vào bảng phân tích ta thấy rằng tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản qua các năm cũng có sự tăng giảm như tỷ suất sinh lời của tài sản và gần như 2 tỷ số này cũng không có sự chênh quá lớn. Nguyên nhân có thể do phần chi phí lãi vay phải trả qua từng năm có tăng giảm không đáng kể, điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại doanh nghiệp.

### ***b. Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính***

***Bảng 2.9 Bảng Phân tích hiệu quả tài chính***

Đơn vị tính: 1000VND

| <b>CHỈ TIÊU</b>                    | <b>Năm 2008</b> | <b>Năm 2009</b> | <b>Năm 2010</b> | <b>Năm 2011</b> | <b>Năm 2012</b> |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1. VCSH BQ                         | 98,163,322      | 113,156,073     | 118,257,086     | 122,645,198     | 118,557,226     |
| 2. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay | 39,748,096      | 14,209,507      | 33,934,883      | 27,242,443      | 13,391,854      |
| 3. Chi phí lãi vay                 | 14,942,254      | 4,099,261       | 13,576,304      | 9,053,410       | 9,120,919       |
| 4. Lợi nhuận trước thuế            | 24,805,842      | 10,110,246      | 20,358,578      | 18,189,033      | 4,270,935       |
| 5. Lợi nhuận sau thuế              | 17,907,350      | 7,603,672       | 15,519,885      | 13,770,953      | 3,283,726       |
| 6. Khả năng thanh                  | 2.66            | 3.47            | 2.50            | 3.01            | 1.47            |

|   |       |      |       |       |      |
|---|-------|------|-------|-------|------|
| toán lãi vay (2/3)                          |       |      |       |       |      |
| 7. Tỷ suất lợi nhuận trên DT (%)            | 1.80  | 1.09 | 1.71  | 1.46  | 0.31 |
| 8. Độ lớn đòn bẩy tài chính (2/4)           | 1.60  | 1.41 | 1.67  | 1.50  | 3.14 |
| 9. Tỷ suất sinh lời vốn CSH (ROE) (5/1) (%) | 18.24 | 6.72 | 13.12 | 11.23 | 2.77 |

( Nguồn: Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung )

*Nhận xét:* Qua bảng phân tích [2.9] ta thấy rằng tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu biến động mạnh qua các năm. Năm 2008, 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra tạo ra được 18,24 đồng lợi nhuận sau thuế thì con số này lại giảm mạnh gần 1/3 so với năm 2009 là 6,72 đồng và có xu hướng tang giảm bất ổn trong những năm tiếp theo, cụ thể là năm 2011 so với năm 2012.

#### ***Phân tích hiệu quả sử dụng vốn góp cổ đông***

Qua bảng phân tích trên ta thấy lợi nhuận sau thuế giảm mạnh theo các năm làm cho lãi cơ bản trên một cổ phiếu cũng giảm. Như vậy, khả năng tạo ra giá trị tăng thêm của mỗi cổ phiếu. Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu cũng có sự giảm sút một ít, tuy nhiên, số tiền sử dụng để trả lãi cho cổ phiếu tăng làm cho tỷ lệ trả lãi cổ phiếu, tỷ lệ sinh lãi cổ phiếu và hệ số giá trên thu nhập tăng dần lên.

### **2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**2.4.1 Một số kết quả đạt được của công tác phân tích hiệu quả hoạt động**

**2.4.2 Một số hạn chế của công tác phân tích hiệu quả hoạt động**

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 đã trình bày thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung gồm các nội dung như tổng quan về Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung, thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung và đánh giá công tác phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung

Qua đó nhận thấy công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty còn một số hạn chế đòi hỏi phải có những giải pháp khắc phục về mặt quy trình, chuẩn hóa thông tin, chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động và phương pháp phân tích.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

#### **3.1 SỰ CẦN THIẾT HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TẠI CÔNG TY**

Phân tích thực trạng cũng chưa thể hiện hết được sự biến động của ROA và ROE như ROA phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và hiệu suất sử dụng tài sản, ROE phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh và tình hình tài chính. Do vậy, tôi có đưa ra một số phương pháp phân tích nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty.

Qua phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung, tác giả nhận thấy cũng còn một số tồn tại cần hoàn thiện về nội dung và bằng các kỹ thuật phân

tích hiệu quả hoạt động, tác giả đưa ra một số phương pháp hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty.

### **3.2 ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG.**

**3.2.1. Về tổ chức quản lý bộ phận thực hiện công tác phân tích**

**3.2.2. Về quy trình thực hiện**

*a. Lập kế hoạch phân tích*

*b. Tiến hành phân tích*

*c. Hoàn thành phân tích*

**3.2.3. Về tổ chức sử dụng kết quả phân tích**

### **3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**3.3.1 Phân tích khả năng sinh lời của VCSH**

*Bảng 3.1 Phân tích chỉ tiêu ROE và các nhân tố ảnh hưởng theo mô hình Dupont*

| Chỉ tiêu   | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Chênh lệch 2010/2009 | Chênh lệch 2011/2010 | Chênh lệch 2012/2011 |
|--|----------|----------|----------|----------|----------------------|----------------------|----------------------|
| $ROE=ROA \times (1+\text{ĐBTC}) \times (1-T)$<br>(%) | 6.72     | 13.12    | 11.23    | 2.77     | 6.40                 | (1.90)               | (8.46)               |
| Trong đó đặt:  |          |          |          |          | -                    | -                    | -                    |
| A= Tỷ suất sinh lời TS (ROA) (%)                     | 4.59     | 5.67     | 4.43     | 1.37     | 1.08                 | (1.25)               | (3.06)               |
| B= 1 + ĐBTC (%)                                      | 1.95     | 3.08     | 3.38     | 2.71     | 1.13                 | 0.30                 | (0.68)               |
| C= 1-T(T:Thuế suấtTTNDN)                             | 75%      | 75%      | 75%      | 75%      | -                    | -                    | -                    |

**Bảng 3.2 Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến  
chỉ tiêu ROE**

| Chỉ tiêu          | $\frac{A_0B_0}{C_0}$ | $\frac{A_1B_0}{C_0}$ | $\frac{A_1B_1}{C_0}$ | $\frac{A_1B_1}{C_1}$ | $\frac{\Delta A}{\Delta ROA}$ | $\frac{\Delta B}{\Delta(1+ĐBTC)}$ | $\frac{\Delta C}{\Delta(1-T)}$ | $\Delta ROE$ |
|-------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------|
| Năm 2010/2009 (%) | 6.72                 | 8.31                 | 13.12                | 13.12                | 1.59                          | 4.82                              | -                              | 6.40         |
| Năm 2011/2010 (%) | 13.12                | 10.24                | 11.23                | 11.23                | (2.88)                        | 0.99                              | -                              | (1.90)       |
| Năm 2012/2011 (%) | 11.23                | 3.46                 | 2.77                 | 2.77                 | (7.77)                        | (0.69)                            | -                              | (8.46)       |

Qua số liệu phân tích tại bảng [3.1] Công ty có thể đánh giá tổng quát hiệu quả hoạt động qua 4 năm dựa vào chỉ tiêu tỷ suất sinh lời VCSH (ROE) và xác định mức độ của các nhân tố ảnh hưởng, cụ thể trong trường hợp đánh giá ROE ở năm 2012.

Năm 2012 thực hiện tỷ suất sinh lời VCSH (hiệu quả hoạt động) giảm hơn năm 2011 là 8,46% tức là đầu tư 100 đồng VCSH thì công ty không có lãi.

- Nhân tố khả năng sinh lời của tài sản giảm 3,06 đồng lợi nhuận trước thuế khi đầu tư 100 đồng tài sản đã làm cho khả năng sinh lời của VCSH giảm 7.77 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Nhân tố đòn bẩy tài chính giảm 0.68% - đây là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng sinh VCSH – làm khả năng này giảm 0.69 đồng lợi nhuận sau thuế.

### 3.3.2 Phân tích tỷ suất sinh lời tài sản

**Bảng 3.3 Phân tích chỉ tiêu ROA và các nhân tố ảnh hưởng**

| Chỉ tiêu                             | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Chênh lệch 2010/2009 | Chênh lệch 2011/2010 | Chênh lệch 2012/2011 |
|--------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------------------|----------------------|----------------------|
| $ROA = T_{LN/DT} \times H_{TS} (\%)$ | 4.59     | 5.67     | 4.43     | 1.37     | 1.08                 | (1.25)               | (3.06)               |
| Trong đó đặt:                        |          |          |          |          |                      |                      |                      |
| $T_{LN/DT} (\%)$                     | 1.09     | 1.71     | 1.46     | 0.31     | 0.62                 | (0.24)               | (1.15)               |
| $H_{TS}$                             | 4.21     | 3.33     | 3.03     | 4.34     | (0.88)               | (0.30)               | 1.31                 |

**Bảng 3.4 Phân tích chi tiết mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu ROA**

| Chỉ tiêu          | $\Delta A$<br>( $T_{LN/DT}$ ) | $\Delta B$<br>( $H_{TS}$ ) | $\Delta ROA$ |
|-------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------|
| Năm 2010/2009 (%) | 2.56                          | -1.48                      | 1.08         |
| Năm 2011/2010 (%) | -0.80                         | -0.44                      | -1.24        |
| Năm 2012/2011 (%) | -3.48                         | 0.42                       | -3.06        |

Căn cứ vào bảng [3.3] cho thấy sự biến động về hiệu quả kinh doanh qua các năm. Trong trường hợp cụ thể ở năm 2012. Căn cứ kết quả phân tích trên cho thấy năm 2012 giảm so với năm 2011 là 3.06 đồng lợi nhuận trước thuế khi đầu tư 100 đồng tài sản do:

- Tỷ suất sinh lợi doanh thu giảm 1.15 đồng lợi nhuận trước thuế khi thu được 100 đồng doanh thu đã làm cho hiệu quả kinh doanh năm 2012 so với năm 2011 giảm 3.48 đồng lợi nhuận trước thuế cho thấy nhà quản trị chưa có những chính sách cũng như phương pháp phù hợp để kiểm soát chi phí.



- Hiệu suất sử dụng tài sản của công ty tăng 1,33 đồng doanh thu khi đầu tư 100 đồng tài sản làm hiệu quả kinh doanh (ROA) năm 2012 tăng 0,42 đồng lợi nhuận trước thuế so với năm. Qua đó cho thấy công tác quản lý, sử dụng tài sản của công ty thực hiện ở năm 2012 tốt hơn năm 2011.

Căn cứ vào hệ thống các bảng biểu và đồ thị đã thiết kế đã trình bày có thể giúp Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung đánh giá khái quát hiệu quả hoạt động qua các năm, từ đây nhà quản trị có thể đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Căn cứ vào kết quả khảo sát thực tế về công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung ở chương 2, trong chương 3 tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này như hoàn thiện công tác tổ chức phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung; hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động; và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ cho công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

Các giải pháp đưa ra có thể được áp dụng để nâng cao chất lượng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

## KẾT LUẬN

Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế trong nước dưới sự ảnh hưởng lớn về kinh tế của các nước trong khu vực về thế giới. Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung nói riêng, ngày càng phải nâng cao vị thế của mình để đủ sức cạnh tranh với các DN trong và ngoài nước. Muốn vậy công ty phải luôn kiện toàn công tác quản trị bằng việc nghiên cứu tổ chức tốt công tác phân tích nói chung và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh nói riêng.

Qua thời gian nghiên cứu lý luận cũng như tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung, cùng với sự hướng dẫn của thầy giáo PGS.TS Hoàng Tùng, luận văn cơ bản giải quyết được một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

*Thứ hai*, tìm hiểu được thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung, từ đó đưa ra những đánh giá về công tác này.

*Thứ ba*, trên cơ sở nghiên cứu lý luận kết hợp với thực tiễn về phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung, luận văn đã đưa ra được định hướng và giải pháp hoàn thiện về công tác phân tích hiệu quả hoạt động; nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động; hệ thống thông tin phục vụ cho công tác phân tích hiệu quả hoạt động.

*Thứ tư*, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được áp dụng để nâng cao chất lượng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.